

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Bắc Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng Gia Đông

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 2300690284; Đăng ký lần đầu ngày 8 tháng 12 năm 2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 26 tháng 4 năm 2023 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp;

Địa chỉ: Phố Khám, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện pháp luật : Vũ Anh Tuấn Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế: 2300690284

Email: phongthinghiem1029@gmail.com

Điện thoại: 0222.3505 517

Website: <https://lasxd1029.com>

1.2 Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng LAS-XD1029

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Phố Khám, Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại : 0222.3505 517

Email: phongthinghiem1029@gmail.com

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân lực của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD1029 do Bộ xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận số: 87/GCN-BXD ngày 13/4/2023)

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

(Kèm theo quyết định số: 01.183/2026-CBNL ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng Gia Đông)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
	- Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015

2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
	-Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022
	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022
	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 2022
	- Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 2022
	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 2022
	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 2022
	- Thiết kế thành phần cấp phối bê tông	Số:778/98/QĐ-BXD ngày 05/9/98
3	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Xác định thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2:06
	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
	- Xác định khối lượng thể tích xốp và độ rỗng	TCVN 7572-6:06
	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
	- Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06
	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
	- Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
	- Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
	- Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06
	- Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN7572-20:06
	- Xác định Hệ số (ES)	ASTM D2419
4	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	- Xác định thành phần cốt hạt	TCVN 4198:2012
	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012
	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 12790:2020
	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332- 06 & TCVN 12792:2020
5	KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	

	- Thử kéo	TCVN 197-1:2014
	- Thử uốn	TCVN 198:2008
	- Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95 TCVN 197-1:2014
	- Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại -Thử uốn	TCVN 5401:2010
	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
	- Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
	- Xác định đường kính ruột dẫn, đường kính sợi đồng	TCVN 6610-1:07
6	VỮA XÂY DỰNG	
	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:22
	- Xác định độ lưu động của vữa tươi (Phương pháp bàn dần)	TCVN 3121-3:22
	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:22
	- Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:22
	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10:22
	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11:22
	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18:03
	- Thiết kế thành phần cấp phối vữa xây	TCVN 4459:87
7	THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY	
	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-1:09
	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-2:09
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-3:09
	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 6355-4:09
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
8	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	- Xác định cường độ nén	TCVN 6477:16
	- Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6477:16
	- Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:16
9	THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN	
	- Xác định độ cứng vạch bề mặt	TCVN 4732:2016
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016
	- Xác định độ bền uốn	TCVN 4732:2016
	- Xác định kích thước, khuyết tật, độ vuông góc, độ phẳng cạnh	TCVN 4732:2016
	- Xác định độ hút nước	TCVN 4732:2016
	- Xác định độ mài mòn	TCVN 4732:2016
10	THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO	

	- Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013
	- Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
	- Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013
11	THÍ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG NHẸ	
	- Xác định hình dạng, kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt của gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030:2017
	- Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030:2017
	- Xác định khối lượng thể tích khô, độ co khô của gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030:2017
	- Xác định độ xốp biểu kiến của gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030:2017
	- Xác định độ hút nước, độ ẩm của gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030:2017
	- Xác định khối lượng riêng của gạch bê tông nhẹ	TCVN 9030:2017
12	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	- Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
	- Xác định cường độ nén	TCVN 6476:99
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6476:99
	- Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:99
	- Xác định độ rỗng	TCVN 6476:99
13	THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
	- Đo dung trọng, độ ẩm bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791: 2020
	- Xác định độ ẩm; Khối lượng thể tích trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
	- Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861:11
	- Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11
	- Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
	Xác định modul biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012
	- Cọc-Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm CBR - ngoài hiện trường	ASTM D4429:92; TCVN 8821: 2011
	- Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	-Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020
14	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11

	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
15	PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG	
	Xác định độ pH	TCVN 8826:2011
	Xác định tỷ trọng	TCVN 8826:2011
	Xác định hàm lượng chất khô	TCVN 8826:2011
	Kiểm tra tính năng của phụ gia theo các chỉ tiêu khả năng giảm nước, ảnh hưởng tới thời gian ninh kết của hỗn hợp và cường độ bê tông	TCVN 8826:2011
	Kiểm tra ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở của bê tông	TCVN 8826:2011

Ghi chú (*) - Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm chỉ tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

DANH MỤC MÁY MÓC THIẾT BỊ

(Kèm theo quyết định số: 01.183/2026-CBNL ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng Gia Đông)

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
1	Máy kéo nén vạn năng 1000KN	1	ch	TQ
2	Máy nén 2000KN	1	ch	TQ
3	Bộ gá uốn mẫu XM 40x40x160	2	bộ	VN
4	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn -Dung tích: 5 lít	1	ch	TQ
5	Máy thử thấm bê tông	1	ch	TQ
6	Dụng cụ VICA	1	bộ	VN
7	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn	1	ch	TQ
8	Nhót kế VEBE	1	bộ	VN
9	Bàn dẫn vữa xi măng	1	bộ	VN
10	Thiết bị chảy casagrande; bao gồm: Dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	1	ch	VN
11	Tấm kính xác định giới hạn dẻo	2	ch	VN
12	Bộ sàng ĐK200mm bao gồm các cỡ + đáy+nắp	39	ch	TQ
13	Bộ sàng ĐK300mm bao gồm các cỡ + đáy+nắp	26	ch	TQ
14	Tủ sấy 300 C, model 101-2, dung tích 126lít	1	ch	TQ
15	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	3	bộ	VN
16	Kích thủy lực 100, 200 tấn	2	bộ	VN
17	Đồng hồ đo biến dạng chính xác 0.01mm	2	ch	TQ
18	Máy nén Marshall 30KN	1	ch	VN
19	Cung lực 30 KN - TQ, đồng hồ chỉ thị 10x0,01mm,	1	ch	TQ
20	Bộ chày đầm marshall bằng tay Model: B032. kèm đế gỗ, 04 thanh định vị, cổ khuôn, thân khuôn và đế khuôn	1	bộ	VN
21	B030-01: Cổ khuôn marshall	3	ch	VN
22	B030-02: Đế khuôn marshall	3	ch	VN
23	B030-03: Thân khuôn Marshall	12	ch	VN
24	Thùng ổn nhiệt	1	ch	VN
25	Máy ly tâm tách nhựa	1	ch	VN
26	Máy thử độ bền nén CBR 50KN	1	ch	VN
27	Khuôn CBR	6	ch	VN
28	Máy nén 150KN	1	ch	VN
29	Máy nén 100KN	1	ch	VN
30	Máy đo điện trở	1	ch	Nhật
31	Cân điện tử 6kg x 0.1g - OHAUS	1	ch	Mỹ
32	Cân điện tử 3kg x 0.01g	1	ch	TQ
33	Cân điện tử 30kg x 1g - Nhật	1	ch	TQ
34	Cân điện tử 15kg x 0,1g	1	ch	TQ
35	Bộ gá kéo bulong	1	bộ	VN
36	Máy khoan bê tông	1	ch	TQ

37	Cần Benkelman	1	bộ	VN
38	Máy thử mài mòn gạch	1	ch	VN
39	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn	1	ch	VN
40	Lò nung 1000C	1	ch	VN
41	Bàn cân thủy tinh tiêu chuẩn	1	ch	VN
42	Bộ đo thời gian liên kết	1	ch	TQ
43	Prototíp cải tiến: cối S186 + chày S188	1	bộ	VN
44	Prototíp tiêu chuẩn: cối S185 + chày S187	1	bộ	VN
45	Kích đòn mẫu vụn nặng 4" và 6"	2	bộ	VN
46	Thước điện tử	1	ch	TQ
47	Khuôn xi măng Le Chaterlier	6	ch	VN
48	Bình tỷ trọng kế 100cc	3	ch	TQ
49	Bình tam giác 50ml – 500ml	4	ch	TQ
50	Tỷ trọng kế	1	ch	TQ
51	Ống đong 50-500ml	6	ch	TQ
52	Rọ cân trong nước	2	ch	VN
53	Hộc đong 1-15 lít	6	ch	VN
54	Khuôn lập phương 150x150x150	60	ch	TQ
55	Khuôn lập phương 150x150x150 kép 3	10	bộ	VN
56	Khuôn xi măng 40x40x160 kép 3	30	bộ	TQ
57	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dung trọng	3	bộ	VN
58	Bộ xi lanh nén đập đá D75	1	bộ	VN
59	Bộ xi lanh nén đập đá D150	1	bộ	VN
60	Thước kẹp tiêu chuẩn	2	ch	TQ
61	Máy cưa cắt mẫu bê tông	1	ch	VN
62	Thước xác định hạt dài, hạt dẹt	2	ch	VN

Ghi chú:

- Danh mục trên không bao gồm các dụng cụ, hoá chất, thiết bị thí nghiệm phụ trợ khác... phục vụ công tác thí nghiệm trong phòng cũng như hiện trường.
- Các máy móc thiết bị tại thời điểm đều được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trong tình trạng sử dụng tốt.
- Các máy móc thiết bị được kiểm định/ hiệu chuẩn đúng theo qui định.

DANH MỤC CÁN BỘ, THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo quyết định số: 01.183/2026-CBNL ngày 18 tháng 3 năm 2026 của Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng Gia Đông)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Công việc thực hiện	Ghi chú
1	Vua Anh Tuấn	Giám đốc	Giám đốc công ty. - Điều hành hoạt động chung, định hướng phát triển của phòng thí nghiệm - Chịu trách nhiệm chung về công tác quản lý chất lượng	
2	Nguyễn Hữu Đại	Trưởng phòng	Trưởng phòng thí nghiệm. - Quản lý chuyên môn và thực hiện thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Chịu trách nhiệm về công tác quản lý chất lượng, công tác thí nghiệm của phòng thí nghiệm xuất ra khỏi phòng trước khách hàng.	
3	Nguyễn Ngọc Hiện	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
4	Nguyễn Hữu Đáp	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
5	Ngô Đức Nam	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
6	Nguyễn Thanh Tuấn	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
7	Nguyễn Văn Tới	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
8	Đoàn Minh Phương	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	

9	Nguyễn Văn Thao	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
10	Phạm Đăng Linh	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
11	Nguyễn Đắc Sản	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm vật liệu trong phòng. - Thí nghiệm vật liệu hiện trường	
12	Đặng Văn Nam	Thí nghiệm viên	Nhân viên phòng thí nghiệm. - Thí nghiệm hiện trường	

Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng Gia Đông chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**CÔNG TY CP TƯ VẤN KIẾN TRÚC
VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG GIA ĐÔNG**



**GIÁM ĐỐC
VŨ ANH TUẤN**